

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ I
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 98/2020/HSST

Ngày: 30/11/2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ I - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Chương.

Bà Đỗ Thị Kim Chinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã I, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã I, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã I mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 71/2020/HS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên Vũ Văn A - Tên gọi khác: Không- Sinh ngày 25 tháng 3 năm 1962, tại thị xã I, tỉnh Quảng Ninh. Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Khu G, phường H, thị xã I, tỉnh Quảng Ninh- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Bảo vệ. Con ông: Vũ Văn Yên- Con bà: Phạm Thị P. Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Nguyễn Thị Q. Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 17/02/2020, hiện đang tạm gia tại nhà tạm giữ Công an thị xã I - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên Bùi Thị B- Tên gọi khác: Không- Sinh ngày 16 tháng 01 năm 1988, tại thị xã I, tỉnh Quảng Ninh. Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Khu K, phường M, thị xã I, tỉnh Quảng Ninh- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân Công ty TNHH N. Con ông: Bùi Văn R- Con bà: Lê Thị S. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba. Chồng: Nguyễn Đức Non. Bị cáo có 01 con sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt ngày 28/02/2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 16/5/2020. Hiện tại ngoại- Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên Bùi Văn C- Tên gọi khác: Không- Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1981, tại huyện Thanh N2, tỉnh Hải Dương. Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Khu Trại Cọ, phường M, thị xã I, tỉnh Quảng Ninh- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Bảo vệ. Con ông: Bùi Văn T- Con bà: Hoàng Thị U. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là

con thứ ba. Vợ: Bùi Thị V. Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 19/02/2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 16/5/2020. Hiện tại ngoại- Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên Nguyễn Thị D- Tên gọi khác: Không- Sinh ngày 05 tháng 9 năm 1973, tại thị xã I, tỉnh Quảng Ninh. Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Tổ 4, khu X, phường Y, thành phố A1, tỉnh Quảng Ninh- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Bảo vệ. Con ông: Nguyễn Ngọc B1- Con bà: Trần Thị C1. Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con lớn. Chồng: Nguyễn Ngọc D1. Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo đầu thú ngày 19/02/2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 16/5/2020. Hiện tại ngoại- Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên Nguyễn Ngọc E- Tên gọi khác: Không- Sinh ngày 27 tháng 12 năm 1968, tại huyện E1, tỉnh Thái Bình. Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Tổ G1, khu H1, phường I1, thành phố A1, tỉnh Quảng Ninh- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Bảo vệ. Con ông: Nguyễn Ngọc K1- Con bà: Phùng Thị L1. Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Nguyễn Thị M1. Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo đầu thú ngày 19/02/2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 16/5/2020. Hiện tại ngoại- Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty TNHH N Hải Phòng Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công nghiệp N1, xã O1, huyện P1- thành phố Hải Phòng. Đại diện theo pháp luật: Ông Isgamami Q1, sinh năm 1965- Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Việt R1, sinh năm 1989- Chức vụ: Quản lý phòng bảo trì. (Có đơn xin xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty dịch vụ bảo vệ S1 Việt nam. Địa chỉ: T1, U1, phường V1, quận X1, thành phố Hải Phòng. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá Y1, sinh năm 1959- Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Vũ A2, sinh năm 1893, trú tại: Thôn B2, xã C2, huyện D2, tỉnh Hải Dương- Vắng mặt.

- Ông Phạm Văn E2 sinh năm 1985. Trú tại: Tổ G2, Khu X, phường Y, thành phố A1, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1985. Trú tại: Tổ G2, khu X, phường Y, thành phố A1, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

-Chị Trần Thị V, sinh năm 1977. Trú tại: Khu H2, phường I2, thành phố A1, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

-Anh Bùi Hoàng K2, sinh năm 1977. Trú tại: L2, huyện Thanh N2, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

-Anh Đào Thành O2, sinh năm 1975. Trú tại: Tổ G1, Khu H1, phường I1, thành phố A1, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

- Người làm chứng:

-Ông Vũ Trọng P2, sinh năm 1975. Trú tại: Số 45, lô 11, Đằng Hải, quận R2, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

-Anh Đào Việt S2, sinh năm 1983. Trú tại: T2, U2, huyện P1, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

-Anh Lưu V2, sinh năm 1994. Trú tại: Khu H1, phường X2, thành phố Y2, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

-Chị Vũ Cẩm Thái A3, sinh năm 1994. Trú tại: Khu 8, phường B3, thành phố A1, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

-Chị Ngô Thùy Trang, sinh năm 1999. Trú tại: Khu 2, phường C3, thị xã I, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

-Chị Đàm Thị Liên, sinh năm 1996. Trú tại: D3, phường E3, thị xã I, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

-Chị Nguyễn G3, sinh năm 1991. Chị Nguyễn H3, sinh năm: 1975. Trú tại: Khu I3, phường H, thị xã I, Quảng Ninh. Vắng mặt

-Anh Nguyễn Đức K3, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn L3, xã M3, thị xã I, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

-Anh Khổng Ngọc N3, sinh năm 1989. Trú tại: Khu 4, phường I, thị xã I, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

-Anh Hoàng Chung O3, sinh năm 1989. Trú tại: P3, Y, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

-Anh Trần Văn Doãn, sinh năm 1971. Trú tại: Khu G, phường H, thị xã I, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

-Anh Nguyễn Tiến Q3, sinh năm 1990. Trú tại: phường M, thị xã I, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH N Hải Phòng Việt Nam đăng ký tài sản, hạch toán độc lập tại Việt Nam từ ngày 17/9/2000, có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp P1-Hải Phòng.

Năm 2013 thành lập chi nhánh hoạt động sản xuất hệ thống dây dẫn và các cụm thiết bị điện ô tô thuộc khu Công nghiệp M, phường M, thị xã I, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 01/5/2016 Công ty TNHH N đã ký hợp đồng bảo vệ với Công ty S1 Hải Phòng để đảm bảo an ninh trật tự, quản lý tài sản. Công ty bảo vệ S1 Hải Phòng, phân công nhân viên là Vũ Văn A, Bùi Văn C, Nguyễn Ngọc E làm bảo vệ trực tại cổng A3 (khu vực kho vật tư và kho tài liệu) Nguyễn Thị D trực tại cổng A5 (nơi công nhân ra vào); thời gian 8 giờ làm việc/ca, chia làm 3 ca. Bút lục số 320, 377,405.

Khoảng 16 giờ ngày 19/12/2019, Công ty chuyển vào kho tài liệu 02 palet (kiện) dây điện chuyên dụng chưa qua sản xuất, giao Vũ Văn A trực tiếp

quản lý trông coi. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 15/01/2020 trong ca trực và quản lý chìa khóa kho, Tiến đã mở 02 palet lấy 06 cuộn dây điện tổng trị giá: 10.195.141 đồng, cho vào bao để lên xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển kiểm soát 14Y1-076.58 chở ra ngoài đem về nhà cất giấu. Sau đó mang 02 cuộn dây đến bán cho chị Nguyễn Thị M2 chủ cơ sở thu mua phế liệu ở khu X, phường Y, thành phố A1 được 900.000 đồng, số tiền này Tiến đã ăn tiêu hết. Ngày 17/02/2020, Công ty N phát hiện và trình báo Công an thị xã I và tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Văn A đã thu 04 cuộn dây điện còn lại có đặc điểm như trên. Bút lục số 187, 386, 538, 610.

Tại Cơ quan điều tra A đã khai nhận hành vi chiếm đoạt 06 cuộn dây điện trong kho tài liệu do mình có trách nhiệm quản lý, ngoài ra còn cấu kết cùng Bùi Văn C, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc E là bảo vệ Công ty và Bùi Thị B ở phân xưởng sản xuất MAE của Công ty N để trộm cắp dây điện phế liệu.

Theo quy trình các Block(phân xưởng) tập kết dây điện phế liệu vào thùng rác riêng ngoài hành lang, bộ phận bảo trì sẽ cân, ghi phiếu và đưa vào nhập kho để Công ty N bán tận thu. Vào khoảng 22 giờ hàng ngày, Bùi Thị B dùng xe đẩy vận chuyển tài liệu xuống kho do Vũ Văn A quản lý để lưu trữ, với mục đích trộm cắp B đã chuẩn bị thêm thùng catton loại đựng tài liệu có kích thước (54x30x30)cm đặt sẵn trên xe đẩy. Khi di chuyển qua hành lang các phân xưởng IP1, IP2, MI, EG2 B lấy số dây điện phế liệu ở các thùng rác cho vào thùng catton rồi mang vào kho trong ca trực của A, đánh dấu bằng ký hiệu riêng và thông tin cho C để C nói A biết. Sau đó A cùng C,D, dùng xe mô tô lên lút chở ra ngoài cổng, C và D trực tiếp bán cho chủ cơ sở thu mua phế liệu Nguyễn Thị M2 ở khu X, phường Y, thành phố A1. Từ tháng 12/2019 đến tháng 2/2020, tổng cộng đã lấy 5 lần (E tham gia 1 lần), bán được 1.117kg với số tiền 50.185.000 đồng. Sau mỗi lần bán, C chia tiền cho cả nhóm, cụ thể như sau: Lần thứ nhất 105kg x 40.000 đồng/kg = 4.200.000 đồng; lần thứ hai 177 kg x 45.000 đồng/kg= 7.965.000 đồng; lần thứ ba 390kg x 45.000 đồng/kg= 17.550.000 đồng; lần thứ tư 200kg x 46.000 đồng= 9.200.000 đồng; lần thứ năm 245 kgx 46.000 đồng/kg= 11.270.000 đồng. Số tiền các bị can có được: A 10.200.000 đồng; C: 14.785.000 đồng; D: 10.200.000 đồng; B: 13.200.000 đồng, E 1.800.000 đồng.

Ngày 19/3/2020, Công ty kiểm tra kho tài liệu, đã phát hiện thu được 02 thùng catton kích thước (54x30x30) bên trong có các loại dây điện phế thải tổng cộng 80kg ở khu vực B để tài liệu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 11, 12 ngày 28/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã I, kết luận: 06 cuộn dây điện chuyên dụng chưa qua sử dụng, tổng trị giá 10.195.141 đồng và 1.117kg dây điện phế liệu (lỗi bằng đồng) loại bỏ từ sản xuất có giá 38.678 đồng/kg, tổng trị giá 43.203.326 đồng

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 26 ngày 07/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã I, kết luận: 80 kg dây điện phế liệu (lỗi bằng đồng) loại bỏ từ sản xuất có giá 38.678 đồng/kg, tổng trị giá 3.094.240 đồng.

Tại cơ quan điều tra, các bị can khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

- Đại diện bị hại Công ty N anh Phạm Việt R1 trình bày: Ngày 17/02/2020 Công ty N được các bộ phận của công nhân báo cáo về việc mất 06 cuộn dây điện để trong 02 palet thuộc kho A3 do Vũ Văn A, Bùi Văn C, Nguyễn Ngọc E làm bảo vệ trực tổng trị giá: 10.195.141 đồng. Qua kiểm tra Camera an ninh nên Công ty phát hiện có Vũ Văn A là bảo vệ Công ty nhiều lần dùng xe máy vận chuyển dây điện ra khỏi công ty. Công ty đã làm đơn trình báo Công an thị xã I, sau đó tiến hành khám xét đã thu được 04 cuộn dây điện do Tiến đã chiếm đoạt. Ngoài ra Tiến còn khai đã cùng với Bùi Thị B là công nhân Công ty làm việc ở phân xưởng sản xuất MAE và một số bảo vệ của Công ty là Bùi Văn C, Nguyễn Thị D và Nguyễn Ngọc E đã trộm cắp số dây điện phế liệu (lỗi bằng đồng) tổng cộng Công ty bị mất 1.197kg, với giá 38.678 đồng/kg, tổng trị giá 46.297.566 đồng. Công ty đã nhận 80kg dây điện phế liệu được thu hồi và toàn bộ số tiền do các bị cáo đã bồi thường, nên Công ty không có ý kiến gì về phần bồi thường dân sự.

- Lời khai ông Nguyễn Tiến Q3: Là người trực tiếp phân công ca trực ngày 19/12/2019 do Vũ Văn A làm bảo vệ tại cổng A3 và trực tiếp quản lý chìa khóa, chịu trách nhiệm toàn bộ tài sản của kho và trong ca trực. Đồng thời xác nhận trong ca trực Phòng quản lý hành chính của Công ty có giao cho A 02 palet dây điện chuyên dụng chưa qua sản xuất. Khi được phòng hành chính thông báo việc mất dây điện, trách nhiệm thuộc bảo vệ A, vì quy trình sử dụng kho tài liệu là: Người sử dụng kho phải xuất trình giấy đăng ký sử dụng kho tài liệu có đầy đủ chữ ký xác nhận của người yêu cầu, xác nhận quản lý Phòng hành chính, xác nhận quản lý phòng bảo trì (MTD) đưa cho bảo vệ ca trực, bảo vệ sẽ ghi thời gian ra vào kho và ký xác nhận trên giấy mới được ra, vào kho.

-Chị Nguyễn Thị M2 có lời khai: Gia đình chị làm nghề thu mua phế liệu tại nhà thuộc Tổ G2, khu 1, X, phường Y, thành phố A1, tỉnh Quảng Ninh. Khoảng từ tháng 12/2019 chị có nhiều lần mua các loại dây điện vụn, lõi đồng (thuộc diện không sử dụng được). Khi cơ quan Công an thị xã I đến làm việc và đưa bản ảnh về chủng loại dây điện thì chị nhận ra đây là loại dây điện chị mua của chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1973, địa chỉ tại: Tổ 4, khu X, phường Y, thành phố A1, tỉnh Quảng Ninh, ngoài ra chị còn mua của nhiều người nhưng do lâu ngày chị không nhớ chính xác của ai. Chị M2 khẳng định việc những người bán dây điện cho chị không nói nguồn gốc từ đâu nên chị không biết số dây điện trên là do phạm tội mà có.

- Người làm chứng anh Vũ Trọng P2 là tổ trưởng tổ quản lý bảo trì của Công ty N chi nhánh khu công nghiệp M, thị xã I, tỉnh Quảng Ninh trình bày: Về quy trình thu gom các rác thải (dây điện phế liệu), hàng ngày vào 10 giờ nhân viên vệ sinh của phòng bảo trì sẽ đi đến các phân xưởng để thu gom phế liệu, tại đây số dây điện phế liệu thải ra trong quá trình sản xuất sẽ được tổ

trưởng hoặc quản lý tại phân xưởng (từ cấp tổ trưởng trở lên) ký xác nhận và giao dây điện phế liệu cho nhân viên vệ sinh. Sau đó chuyển về kho của Công ty. Khi nào có tài liệu hay các đồ dùng khác ở các xưởng muốn đưa vào kho tài liệu của công ty thì phải có phiếu yêu cầu của cấp Tổ trưởng ở phòng bảo trì thì mới mượn được chìa khóa để chuyển vào kho.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số: 11, 12 ngày 28/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tung thị xã I, kết luận: 06 cuộn dây điện chuyên dụng chưa qua sử dụng, tổng trị giá 10.195.141 đồng và 1.117kg dây điện phế liệu (lỗi bằng đồng) loại bỏ từ sản xuất có giá 38.678 đồng/kg, tổng trị giá 43.203.326 đồng.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số: 26 ngày 07/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tung thị xã I, kết luận: 80 kg dây điện phế liệu (lỗi bằng đồng) loại bỏ từ sản xuất có giá 38.678 đồng/kg, tổng trị giá 3.094.240 đồng.

- Bản cáo trạng số 66/CT-VKSQY ngày 28/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã I truy tố bị cáo: Vũ Văn A về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội: “Tham ô tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo: Bùi Thị B, Bùi Văn C, Nguyễn Ngọc E và Nguyễn Thị D, về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. .

- Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã I giữ quyền công tố nhà nước vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Vũ Văn A về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội: “Tham ô tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Bùi Thị B, Bùi Văn C, Nguyễn Ngọc E và Nguyễn Thị D, về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

-Đề nghị Hội đồng xét xử:

+Áp dụng: Khoản 1 Điều 353; khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 17, 58 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Văn A từ 18 đến 24 tháng tù, về tội: “Tham ô tài sản”; từ 12 đến 15 tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp chung hình phạt từ 30 đến 39 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 17/02/2020.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58; khoản 1, 2, 5 Điều 60 BLHS: xử phạt bị cáo Bùi Thị B, Bùi Văn C mỗi bị cáo từ 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24-30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị cáo Nguyễn Thị D áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt từ 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24-30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58; khoản 1, 2, 5 Điều 60 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc E từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND phường nơi các bị cáo cư trú để quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với UBND phường trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo.

*** Phần tranh luận:**

Các bị cáo không tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã I.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã I, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã I, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ:* Tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn A thừa nhận hành vi. Tiến là bảo vệ thuộc Công ty bảo vệ S1 Hải Phòng được Công ty giao nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ tại kho A3 (kho tài liệu) của Công ty TNHH N chi nhánh Quảng Ninh cùng với Bùi Văn C, Nguyễn Ngọc E. Nhiệm vụ của các bảo vệ tại kho A3 là trực tiếp tuần tra, kiểm soát, hướng dẫn, đăng ký phương tiện xuất nhập hàng hóa, bảo vệ an ninh trật tự và trông coi tài sản của Công ty nơi mình làm việc.

Khoảng 16 giờ ngày 10/12/2019 trong ca trực của Vũ Văn A, Công ty có chuyển vào kho A3 02(kiện) palet dây điện chưa qua sử dụng và giao cho A trực tiếp quản lý, trông coi. Khoảng 05 giờ ngày 15/01/2019, trong ca trực được quản lý chìa khóa kho, A đã dùng chìa khóa mở kho và mở 02 palet dây điện lấy 06 cuộn dây điện cho vào bao tải để lên xe mô tô biển kiểm soát 14Y1-076.58 chở ra khỏi Công ty TNHH N mang về nhà cất giấu. Sau đó mang 02 cuộn dây điện đi bán tại nhà chị Nguyễn Thị M2, tại phường Y, thành phố A1 được 900.000đồng, đã ăn tiêu hết. Ngoài ra A còn cùng với Bùi Văn C, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc E và Bùi Thị B ở phân xưởng sản xuất của Công ty N để trộm cắp dây điện phế liệu do B đưa vào kho để cùng nhau đem bán lấy tiền ăn chia.

Các bị cáo Bùi Thị B, Bùi Văn C, Nguyễn Thị D và Nguyễn Ngọc E đều thừa nhận hành vi trong khoảng thời gian từ tháng 12/2019 đến tháng 2/2020,

tổng cộng đã lấy 5 lần trộm cắp dây điện phế liệu của công ty mang đi bán được với tổng số 1.117kg với số tiền 50.185.000 đồng chia nhau hưởng lợi cụ thể: A 10.200.000 đồng; C 14.785.000 đồng; D 10.200.000 đồng; B 13.200.000 đồng, E chỉ tham gia một lần trộm cắp và được chia số tiền 1.800.000 đồng.

[3] *Về tội danh*: Như vậy căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo trước Tòa, lời khai của người bị hại và của những người liên quan, vật chứng thu giữ và Kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 15/01/2020 tại kho tài liệu thuộc Công ty TNHH N Vũ Văn A đã chiếm đoạt 06 cuộn dây điện do mình trực tiếp quản lý trông coi, tổng trị giá 10.195.141 đồng.

Từ tháng 12/2019 đến tháng 02/2020, lợi dụng sơ hở của Công ty TNHH N trong quản lý dây điện phế liệu Vũ Văn A cùng Bùi Văn C, Bùi Thị B, Nguyễn Thị D đã lén lút 05 lần trộm cắp tổng cộng 1.117kg trị giá tài sản là 43.203.326 đồng, trong đó Nguyễn Ngọc E tham gia lấy 01 lần 245 kg trị giá tài sản 11.270.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Vũ Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “*Tham ô tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo Bùi Thị B, Bùi Văn C, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc E đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã I đã truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn khách quan, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

- Điều 353 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;

[4] *Về đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo:*

Tài sản thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, nếu ai xâm phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị.

Vũ Văn A, Bùi Thị B, Bùi Văn C, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc E đều là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do tu dưỡng, rèn luyện đạo đức kém lợi dụng được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý tài sản của doanh nghiệp nên đã cố tình tham ô và trộm cắp tài sản mang

bán lấy tiền tiêu sài , thỏa mãn nhu cầu bản thân. Nên cần có hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung và trừng trị riêng đối với các bị cáo.

-Xét về vai trò trong vụ án: Đây là vụ án có tính chất phạm tội đồng phạm giản đơn bị cáo A thực hiện hành vi phạm tội tham ô tài sản một mình nhưng lại tham gia nhiều lần trộm cắp tài sản cùng với các bị cáo Bùi Thị B, Bùi Văn C, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc E nên bị cáo A phải chịu hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác.

Bị cáo B là người trực tiếp thu gom dây điện phế liệu đưa vào thùng catton và chuyển xuống kho tài liệu (A3) để các bị cáo Bùi Văn A, Bùi Văn C, Nguyễn Thị D trực tiếp vận chuyển tài sản ra ngoài 05 lần; Bị cáo D và E là người đem bán, bị cáo C là người trực tiếp cầm và chia tiền cho cả nhóm nên các bị cáo B,C, D có vai trò ngang nhau,cùng phải chịu mức hình phạt như nhau.

Bị cáo Nguyễn Ngọc E tham gia 01 lần với vai trò là người cảnh giới, mở cổng cho các bị cáo A, C, D vận chuyển tài sản nên bị cáo E phải chịu mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhưng thấp hơn so với các bị cáo khác.

[8] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

-Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Vũ Văn A, Bùi Thị B, Bùi Văn C, Nguyễn Thị D phạm tội 05 lần nên bị áp dụng tình tiết “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52- Bộ luật hình sự.

-Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Văn A đã tự thú, khai ra hành vi trộm cắp tài sản của mình cùng đồng phạm và có mẹ đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên được áp dụng quy định tại điểm r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị D sau khi sự việc xảy ra đã đến đầu thú và có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo Nguyễn Ngọc E phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hậu quả đã được khắc phục; Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo Bùi Thị B, Bùi Văn C, Nguyễn Thị D và Nguyễn Ngọc E mà để các bị cáo tự cải tạo, rèn luyện trở thành người tốt nên giao các bị cáo cho Chính quyền

địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục các bị cáo đồng thời gia đình của các bị cáo phải có trách nhiệm phối hợp để cải tạo các bị cáo.

[9] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 353 Bộ Luật Hình sự người phạm tội còn có thể bị phạt một khoản tiền để sung ngân sách Nhà nước hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ chức vụ từ 01 năm đến 05 năm. Xét các bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn và bị cáo Tiến chỉ là nhân viên bảo vệ, không có chức vụ quan trọng nên nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] *Về xử lý vật chứng*: Số tài sản, đồ vật đã thu giữ của các bị cáo gồm Vũ Văn A: 01 điện thoại loại Masstlel, màu đen gắn sim số: 0981.913.476; và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu vàng đen, biển kiểm soát 14Y1-076.58; Bùi Văn C: 01 điện thoại Nokia 308, màu vàng gắn sim số 0382.234.450 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave kiểm soát 34N9-2977; Nguyễn Thị D: 01 điện thoại Iphone màu vàng gắn sim số 0985.553.473 và 01 xe mô tô màu xanh, nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 14K4-3914; Bùi Thị B: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F3 màu vàng hồng, gắn sim số 077.238.0534. Các bị cáo đã sử dụng điện thoại để thực hiện, đây là công cụ phạm tội cần tịch thu theo quy định.

Qua xác minh xe mô tô do các bị cáo sử dụng là của chị Trần Thị V; anh Đào Thanh Ngọc, trú tại thành phố A1 và anh Bùi Hoàng K2 trú tại tỉnh Hải Dương. Ngày 28/6/2020 Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp.

[11] *Về bồi thường dân sự*: Trong quá trình điều tra các bị cáo cùng đại diện bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường. Đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không đề cập giải quyết.

[12] *Các tình tiết khác*: Trong vụ án này, có chị Trần Thị V, anh Bùi Hoàng K2, anh Đào Thanh Ngọc là những người đã cho các bị cáo mượn xe mô tô, nhưng không biết việc Vũ Văn A, Bùi Văn C, Nguyễn Thị D sử dụng xe để phạm tội; đối với chị Nguyễn Thị M2 là người kinh doanh phế liệu đã mua tài sản của Vũ Văn A, Bùi Văn C và Nguyễn Thị D nhưng không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có do đó không đủ có cơ sở để xử lý về hình sự. Nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[13] *Về án phí hình sự*: Các bị cáo phải nộp theo quy định.

-Về các lễ trên.

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, khoản 1, khoản 1 Điều 353, điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 54, Điều 55; Điều 17; Điều 58, Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Văn A.

-Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các

bị cáo: Bùi Thị B, Bùi Văn C, Nguyễn Thị D (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Nguyễn Thị D).

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc E.

-Căn cứ: Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 - Bộ Luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

-Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tham ô tài sản*”. Các bị cáo: Bùi Thị B, Bùi Văn C, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc E phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn A 12 (Mười hai) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, 18 (mười tám) tháng tù về tội “*Tham ô tài sản*”.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Vũ Văn A phải chấp hành là 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 17/02/2020.

-Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị B 15 (mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn C 15 (mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị D 15 (mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc E 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Giao bị cáo Bùi Thị B và Bùi Văn C cho UBND phường M, thị xã I, tỉnh Quảng Ninh và gia đình các bị cáo giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách;

- Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho UBND phường Y, thành phố A1, tỉnh Quảng Ninh và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho UBND phường Y, thành phố A1, tỉnh Quảng Ninh và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

-Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

-Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

-Căn cứ: Điểm d khoản 1 Điều 125- Bộ luật tố tụng hình sự.

-Hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú số: 20, 21, 22, 23/LCĐKNCT ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã I, tỉnh Quảng Ninh đối với các bị cáo: Bùi Thị B, Bùi Văn C, Nguyễn Thị D và Nguyễn Ngọc E.

Bị cáo Bùi Văn Tiến, Bùi Thị B, Bùi Văn C, Nguyễn Thị D và Nguyễn Ngọc E mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND Tx. I;
- Công an TX I;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- T.H.A;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Mạnh

